

CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội (HNX: EID)

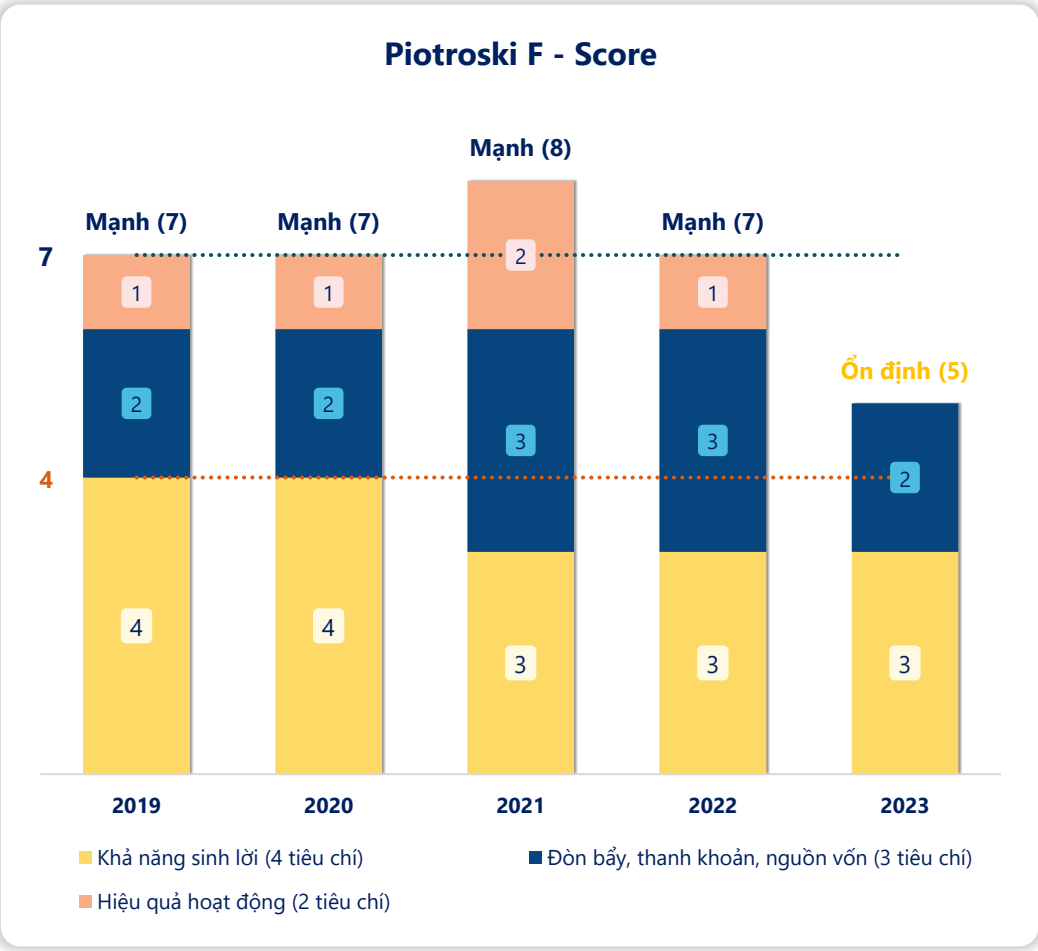
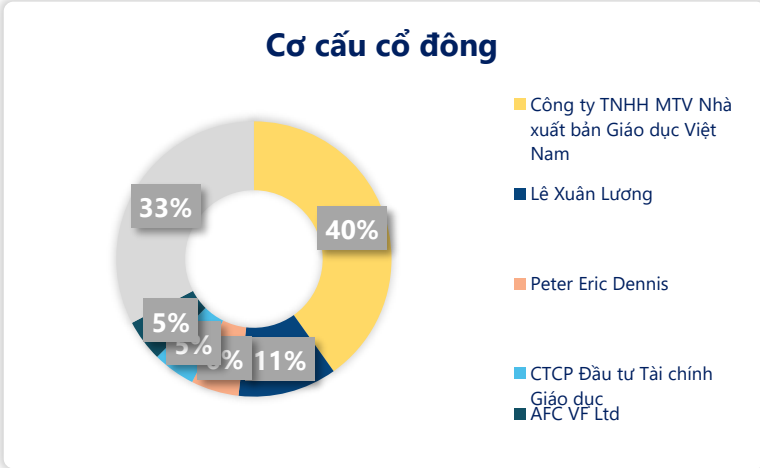
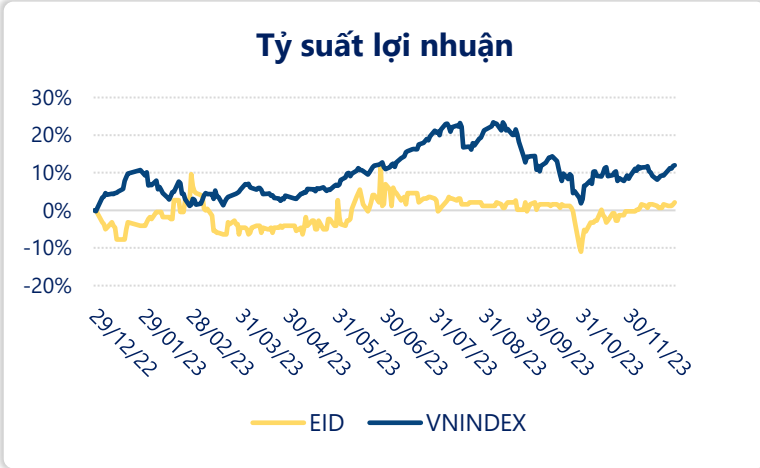
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	21,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	0.5%	-2.8%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
1,053	YoY
tỷ VNĐ	▲ 39.0
	▲ 3.8%

LN sau thuế	2023
71.9	YoY
tỷ VNĐ	▼ 2.80
	▼ 3.8%

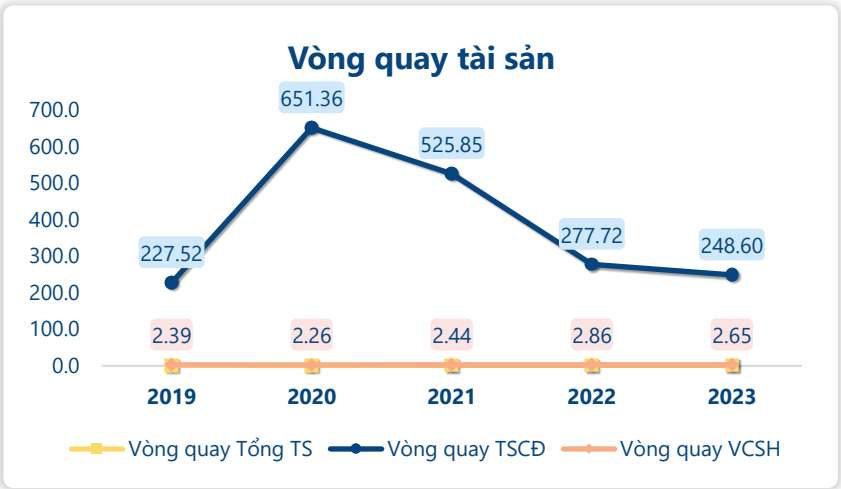
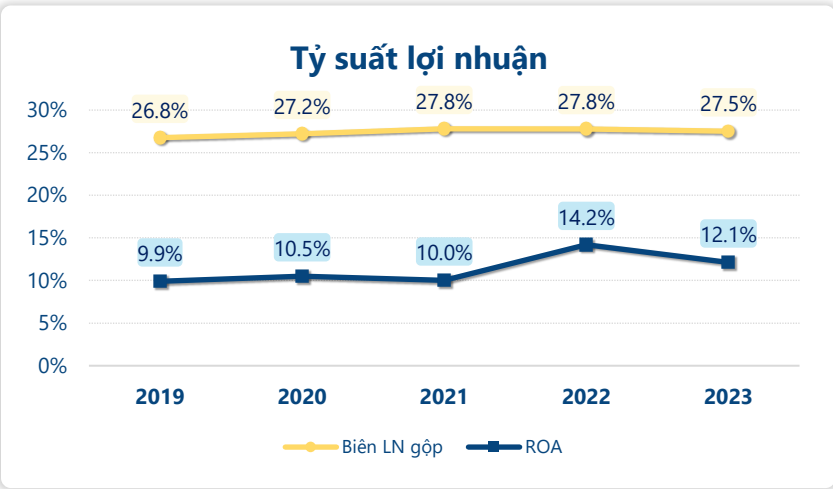
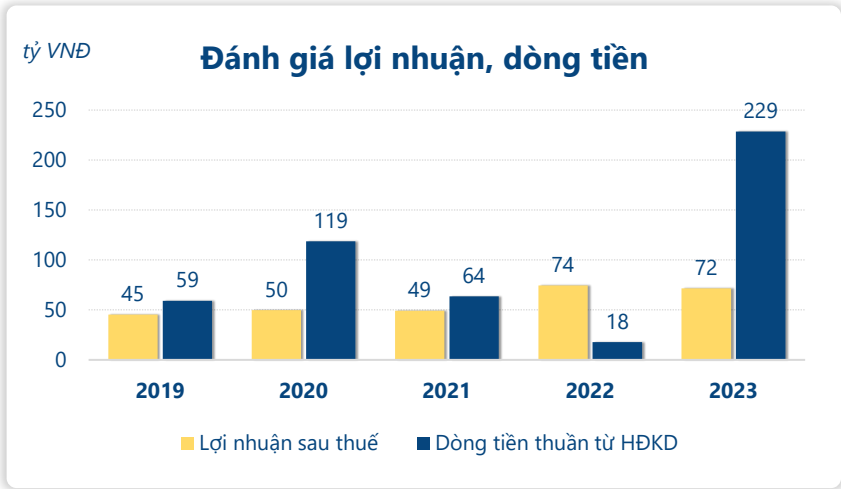


Năm **2023**, F-Score của **EID** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

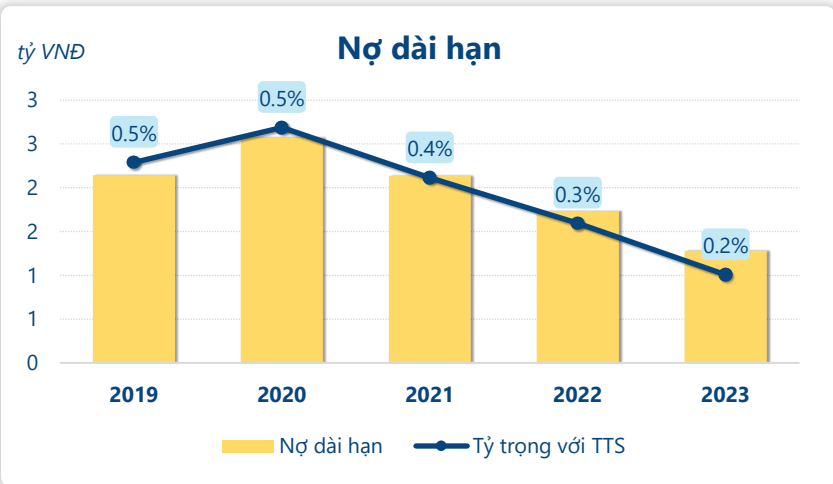
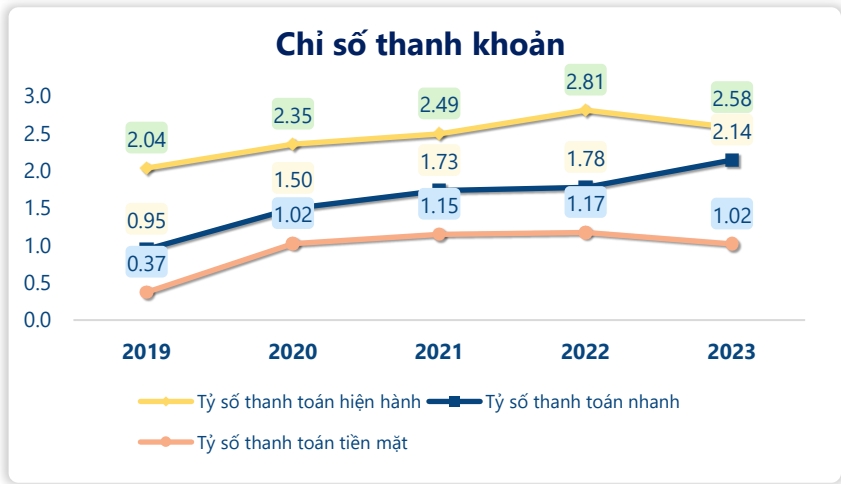
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội (HNX: EID)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **EID**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	636	543	17.1%
Tài sản ngắn hạn	563	464	21.5%
Tiền và tương đương tiền	222	193	15.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	208	0.01	3496093%
Phải thu ngắn hạn	31.6	84.6	-62.6%
Hàng tồn kho	95.0	171	-44.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.99	15.0	-60.0%
Tài sản dài hạn	72.9	79.7	-8.5%
Phải thu dài hạn	0.38	0.38	0.1%
Tài sản cố định	3.81	4.65	-18.0%
Bất động sản đầu tư	46.2	49.7	-7.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	21.5	20.9	3.1%
Tài sản dài hạn khác	0.95	4.04	-76.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	218	167	31.0%
Nợ ngắn hạn	217	165	31.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.7	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	48.6	50.6	-3.9%
Nợ dài hạn	1.28	1.73	-26.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	418	377	11.0%
Vốn chủ sở hữu	418	377	11.0%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	653	667	779	1,014	1,053
Giá vốn hàng bán	478	485	562	732	763
Lợi nhuận gộp	175	181	217	282	290
Doanh thu HĐTC	3.54	4.67	7.10	8.50	15.0
Chi phí TC	10.5	6.44	6.95	5.79	4.85
Chi phí lãi vay	4.30	4.09	2.53	0.32	0.47
LN trong công ty LKLD	0.54	0.80	1.07	0.68	0.65
Chi phí bán hàng	70.7	70.2	81.7	105	113
Chi phí QLDN	40.7	47.9	70.9	90.5	98.1
LN thuần từ HĐKD	56.8	62.4	65.1	89.3	89.8
Lợi nhuận khác	0.35	0.50	0.99	3.88	0.17
LN trước thuế	57.1	62.9	66.1	93.2	89.9
Lợi nhuận sau thuế	45.4	49.9	49.5	74.7	71.9
LNST của CĐ cty mẹ	45.3	49.8	49.3	74.5	71.6

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.2	119	63.7	17.8	229
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.9	23.4	15.2	13.0	-201
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.9	-37.3	-54.9	-34.3	1.52
Tiền đầu kỳ	53.8	68.3	173	197	193
Lưu chuyển tiền thuần	14.4	105	24.0	-3.46	29.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	68.3	173	197	193	222